

Bản án số: 421/2025/HS-PT
Ngày: 09-6-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Văn Công

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Tú Anh, Thư ký viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Bùi Như Lạc, Kiểm sát viên.

Ngày 09/6/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 47/2025/TLPT-HS ngày 15/01/2025, đối với bị cáo Đinh Xuân T, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 579/2024/HS-ST ngày 12/12/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 100/2025/QĐ-PT ngày 24 tháng 3 năm 2025.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

Họ và tên: **Đinh Xuân T**, sinh ngày 15/11/1993 tại tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: E Đường số E, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Nguyên Trung úy, cán bộ Đội Tổng hợp thuộc Công an huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Bị tước danh hiệu Công an nhân dân theo Quyết định số 8032/QĐ-CATP ngày 05/10/2023 của Công an Thành phố H; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đinh Văn K và bà Phạm Thị T1; Có vợ là Nguyễn Ngọc Mai T2 và có 02 người con, con lớn sinh năm 2021, con nhỏ sinh 2024; Tiền án, tiền sự: không; Bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Bà Đinh Thị Như Q; Địa chỉ: G Đường số B, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đinh Xuân T, nguyên là Trung úy, cán bộ trình sát thuộc Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế và chức vụ Công an huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế và chức vụ). Ngày 28/01/2021, Ban chỉ huy Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế và chức vụ phân công Trường thụ lý giải quyết hồ sơ vụ vi phạm hành chính “Kinh doanh hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ” phát hiện ngày 27/01/2021 tại nhà không số thuộc tổ B, ấp B, xã V, huyện B do ông Nguyễn L làm chủ, thu giữ hàng hóa liên quan là 48 bộ máy lạnh hiệu M (đã qua sử dụng) không có hóa đơn chứng từ và nguồn gốc xuất xứ.

Đến ngày 17/3/2021, Ban chỉ huy Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế và chức vụ tiến hành kiểm tra tiến độ giải quyết hồ sơ của đơn vị, phát hiện hồ sơ vụ việc hành chính nêu trên do T thụ lý có dấu hiệu làm giả “Lệnh xuất kho vật chứng” đối với 48 bộ máy lạnh hiệu M đã thu giữ mà không có báo cáo đề xuất nên đã báo cáo vụ việc đến Ban chỉ huy Công an huyện B.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra, T khai nhận: Quá trình thụ lý giải quyết vụ việc vi phạm hành chính nêu trên, T có báo cáo tiến độ giải quyết cho các ông Nguyễn Văn Đ, Đội trưởng và ông Lê Cảnh T3, Phó đội trưởng Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế và chức vụ. Ngoài ra, ông T3 có nói với T báo cáo trực tiếp tiến độ giải quyết cho ông Phạm Hoàng T4, Trưởng Công an huyện B. T đã 03 lần báo cáo trực tiếp với ông T4 thì ông T4 cho biết có người quen nhờ giúp đỡ cho ông Nguyễn L, nếu có giúp thì phải thực hiện đúng quy định của pháp luật. Sau đó, T có báo cáo lại với ông Lê Cảnh T3 thì ông T3 nói làm theo ý kiến của ông T4. Bản thân T nhận thức được 48 bộ máy lạnh này là hàng hóa không có hóa đơn, chứng từ cần phải tịch thu nhưng muốn thực hiện theo ý kiến của Lãnh đạo nên T đã nảy sinh ý định làm giả “Lệnh xuất kho vật chứng” để trả lại 48 bộ máy lạnh cho ông L.

Để thực hiện, ngày 08/3/2021, T đã tự ý soạn thảo “Lệnh xuất kho vật chứng” có nội dung xuất kho vật chứng đối với 48 bộ máy lạnh đã thu giữ để trả lại cho chủ sở hữu. Sau đó, T lấy văn bản (chưa đóng dấu) có chữ ký của ông Nguyễn Văn D, Phó Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B và chữ ký nháy của ông Lê Cảnh T3, Phó Đội trưởng Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế và chức vụ rồi phô tô, sau đó dùng kéo cắt chữ ký nháy của ông T3 và chữ ký của ông D dán chữ ký nháy của ông T3 vào phần cuối nội dung, sau chữ “quy định”, dán chữ ký của ông D vào phần ký bên dưới “P.THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CSĐT” tại “Lệnh xuất kho vật chứng” rồi phô tô thành 02 bản.

Đến ngày 09/3/2021, T mang 02 “Lệnh xuất kho vật chứng” trên đến Đội Điều tra tổng hợp Công an huyện B, lợi dụng lúc không có người tại Phòng quản lý con dấu, T đã lấy con dấu (Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B) đóng vào 02 “Lệnh xuất kho vật chứng”, đóng dấu tên “Thượng tá Nguyễn Văn D” dưới chữ ký của ông D, đồng thời lấy sổ theo dõi việc lấy sổ rồi vào sổ theo dõi

với nội dung “399 09/3/2021 N (VLB) 40 máy lạnh 102 31/01/2021 trả chủ SH Trường”, sau đó điền số 399 vào “Lệnh xuất kho vật chứng” và ghi ngày 09/3/2021.

Sau đó, T gọi điện thoại cho ông L hẹn đến 14 giờ ngày 09/3/2021 đến kho vật chứng Công an huyện B để nhận lại 48 bộ máy lạnh hiệu M. Đến 14 giờ cùng ngày, T đến kho vật chứng Công an huyện B gặp ông Nguyễn Thành K1 là chiến sỹ nghĩa vụ trực bảo vệ kho thì ông K1 cho biết ông Trần Ngọc Nghĩa L1 thủ kho đang đi học, ông Nguyễn Thanh H là cán bộ được phân công hỗ trợ ông N đang đi công tác nên không có cán bộ xuất kho vật chứng, T có đưa “Lệnh xuất kho vật chứng” cho K1 xem và nói xuất kho vật chứng để trả cho chủ sở hữu thì ông K1 có gọi điện thoại cho ông N thông báo sự việc, đồng thời T cũng gọi điện thoại cho ông N thông báo có Lệnh xuất kho đối với 48 bộ máy lạnh và chụp hình “Lệnh xuất kho vật chứng” gửi cho ông N xem. Sau khi xem “Lệnh xuất kho vật chứng” do T gửi, ông N đã đồng ý cho xuất kho 48 bộ máy lạnh trên và nhờ ông K1 giám sát việc T nhận 48 bộ máy lạnh. Sau khi nhận 48 bộ máy lạnh, T đã trả lại cho ông L và đưa cho ông K1 số tiền 1.000.000 đồng và nói cho K1 200.000 đồng, nhờ K1 chuyển cho ông N 500.000 đồng và ông H 300.000 đồng để uống nước.

Sau khi phát hiện sai phạm của T, Công an huyện B đã chuyển vụ việc cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B để kiểm tra, xác minh. Ngày 18/4/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B ra Quyết định phân công giải quyết nguồn tin về tội phạm.

Ngày 07/6/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ra Quyết định trưng cầu giám định tài liệu, con dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, chữ ký của các ông Nguyễn Văn D, Lê Cảnh T3 trên “Lệnh xuất kho vật chứng” do T làm giả.

Bản Kết luận giám định số 3301/KL-KTHS ngày 27/7/2022 của Phòng K3 - Công an Thành phố H kết luận:

1. Chữ ký mang tên Thượng tá Nguyễn Văn D và chữ ký nháy tại cuối nội dung văn bản trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 (Lệnh xuất kho vật chứng số 399, dùng tên đơn vị phát hành Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện B, đề ngày 09/3/2021) là chữ ký sao chụp.

2. Không tiến hành giám định so sánh đối với chữ ký sao chụp (chữ ký mang tên Thượng tá Nguyễn Văn D và chữ ký nháy tại cuối nội dung văn bản) trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1.

3. Hình dấu tròn có nội dung “CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA * CÔNG AN HUYỆN BÌNH CHÁNH - T.P HỒ CHÍ MINH” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với hình dấu tròn có cùng nội dung của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện B trên các tài liệu mẫu so sánh do cùng một con dấu đóng ra.

4. Chữ ký, chữ viết họ tên Đinh Xuân T và chữ viết có nội dung “Đây là

lệnh xuất kho vật chứng mà tôi (T) đã làm giả./” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký, chữ viết của Đinh Xuân T trên tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký, viết ra.

5. Chữ ký mang tên Đinh Xuân T dưới mục “Người nhận (ký ghi rõ họ tên)” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 (Phiếu xuất kho vật chứng số 126/21/PXK, đứng tên người nhận Đinh Xuân T, đề ngày 09/3/2021) so với chữ ký của Đinh Xuân T trên tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký ra.

6. Chữ viết có nội dung “399” và “09/3” tại dòng thứ 7 (bảy) từ trên xuống trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ viết của Đinh Xuân T trên tài liệu mẫu so sánh do cùng một người viết ra.

7. Chữ viết có nội dung “399 09/3/2021 N (VLB) 40 máy lạnh 102 31/01 2021 Trả chủ sở hữu Trường” tại trang số 37 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A3 (sổ “Xuất vật chứng” của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện B) so với chữ viết của Đinh Xuân T trên tài liệu mẫu so sánh do cùng một người viết ra.

Bản Kết luận định giá tài sản số 604/KL-HĐĐGTS ngày 19/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự - UBND huyện B kết luận 48 bộ máy lạnh hiệu Mitsubishi đã qua sử dụng tại thời điểm ngày 27/01/2021 trị giá 38.400.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã tiến hành thu giữ 01 Lệnh nhập kho vật chứng số 399 ngày 09/3/2021. Ngày 25/8/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B có phiếu chuyển nguồn tin về tội phạm đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H (Phòng PC01) giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, bị can Đinh Xuân T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên, do muốn làm theo ý của ông Phạm Hoàng T4, Trưởng Công an huyện B là trả cho ông Nguyễn L 48 bộ máy lạnh và không muốn bị gây khó dễ trong quá trình công tác nên bị can đã tự ý thực hiện việc làm giả “Lệnh xuất kho vật chứng” và trả 48 bộ máy lạnh hiệu Mitsubishi cho ông Nguyễn L như nêu trên, ngoài ra không có mục đích nào khác, T cũng không nhận được lợi ích vật chất gì từ ông Nguyễn Lai. Đối với số tiền 1.000.000 đồng là tiền cá nhân của T gửi cho K1 để bồi dưỡng cho anh em uống nước không có mục đích gì khác.

Đối với “Lệnh xuất kho vật chứng” giả, T khai nhận đã phô tô thành 02 bản rồi mới mang đi đóng dấu, lấy số. T giao 01 “Lệnh xuất kho vật chứng” giả cho ông Hứa Thành K2 để giao lại cho ông Trần Ngọc N (cán bộ thủ kho), 01 “Lệnh xuất kho vật chứng” giả T cho vào hồ sơ vụ việc vi phạm hành chính “Kinh doanh hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ” đang thụ lý. Quá trình kiểm tra, xác minh nguồn tin về tội phạm, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B chỉ thu giữ được 01 “Lệnh xuất kho vật chứng” do T làm giả. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H có Công văn đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B cung cấp “Lệnh xuất kho vật chứng” còn lại. Ngày

04/7/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B có Công văn số 2735/CQĐT-ĐCSHS trả lời như sau: 01 “Lệnh xuất kho vật chứng” còn lại hiện không rõ ở đâu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B không bổ sung được.

Đối với những người có liên quan, quá trình điều tra đã xác định được như sau:

Đối với ông Nguyễn L khai nhận số 48 bộ M đã qua sử dụng trên mua của ông Lương Khắc T5 với mục đích để bán lại thu lợi nhuận. Việc T trả lại cho ông số máy lạnh trên, ông L không tác động ai và cũng không đưa tiền cho T để được nhận lại. Hiện nay ông L đã bán hết số máy lạnh trên cho người khác nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu hồi được.

Đối với ông Lê Cảnh T3, Phó Đội trưởng Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế và chức vụ và ông Phạm Hoàng T4, Trưởng Công an huyện B: Kết quả làm việc và ghi lời khai ông T3 và ông T4 đều khẳng định không tác động, chỉ đạo và cũng không biết vụ việc T trả lại 48 bộ máy lạnh cho ông Nguyễn Lai. Ngoài lời khai của T không có tài liệu, chứng cứ nào khác nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H không có căn cứ xử lý.

Đối với ông Nguyễn Văn D, Phó thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B không chỉ đạo T trả lại tang vật, không ký “Lệnh xuất kho vật chứng” và cũng không được T báo cáo vụ việc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H không có căn cứ xử lý.

Đối với các cán bộ thuộc Đội Thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an huyện B gồm các ông Trần Ngọc N (cán bộ quản lý kho vật chứng), ông Nguyễn Thanh H (cán bộ hỗ trợ ông N) và ông Hứa Thành K2 (chiến sỹ nghĩa vụ trực bảo vệ kho) hoàn toàn không biết T làm giả “Lệnh xuất kho vật chứng” nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H không có căn cứ xử lý.

Đối với bà Đinh Thị Như Q là cán bộ Đội điều tra tổng hợp Công an huyện B là người được giao nhiệm vụ quản lý con dấu, theo dõi việc đóng dấu, lấy số của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B hoàn toàn không biết việc T tự lý lấy con dấu đóng và lấy số vào “Lệnh xuất kho vật chứng” giả nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H không có căn cứ xử lý.

Vật chứng thu giữ: 01 “Lệnh xuất kho vật chứng” số 399 ngày 09/3/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện B.

Về dân sự: Đinh Xuân T đã nộp 38.400.000 đồng khắc phục hậu quả, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã nhập kho bạc Nhà nước.

Tại bản Cáo trạng số 533/CT-VKS-P2 ngày 07/8/2024, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Đinh Xuân T về tội “Giả mạo trong công tác” theo các điểm b, c khoản 1 Điều 359 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 579/2024/HS-ST ngày 12/12/2024 của

Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ các điểm b, c khoản 1 Điều 359; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Đinh Xuân T 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Giả mạo trong công tác”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự,

Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 01 Lệnh xuất kho vật chứng số 399 ngày 09/3/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện B.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 38.400.000 (Ba mươi tám triệu bốn trăm ngàn) đồng theo Giấy nộp tiền vào tài khoản của cơ quan điều tra ngày 21/12/2023 của Ngân hàng TMCP C.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo.

Ngày 20/12/2024, bị cáo Đinh Xuân T kháng cáo xin miễn hình phạt, hưởng án treo.

Diễn biến tại phiên toà phúc thẩm:

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội giống như bản án sơ thẩm đã xét xử và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

1. Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo T làm trong hạn luật định nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

2. Về yêu cầu kháng cáo của bị cáo T:

- Về tội danh: Kết quả điều tra đã thể hiện bị cáo T nguyên là Trung úy, cán bộ trình sát thuộc Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế và chức vụ Công an huyện B. Trong quá trình công tác, bị cáo đã có hành vi làm giả 01 Lệnh xuất kho, cắt dán chữ ký nháy của ông Lê Cảnh T3 (Phó Đội trưởng), chữ ký của ông Nguyễn Văn D (Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra), sau đó tự đóng dấu và trả 48 bộ máy lạnh có giá trị 38.400.000 đồng cho ông Nguyễn Lai . Do đó, bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo T về tội “Giả mạo trong công tác” theo các điểm b, c khoản 1 Điều 359 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

- Về hình phạt: Khi quyết định hình phạt, bản án sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo T và mức án mà bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là phù hợp. Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo T không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo T tranh luận:

- Về tội danh: Bị cáo T đồng ý, không tranh luận.

- Về hình phạt: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội do nỗ lực cấp trên, không vụ lợi, đã nộp toàn bộ số tiền thất thoát vào Ngân sách nhà nước, tại địa phương bị cáo luôn chấp hành đúng chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; bị cáo là lao động chính trong gia đình, phải nuôi vợ, 02 người con; bố của bị cáo tên Đinh Văn K là cán bộ Công an nghỉ hưu, được tặng Danh hiệu 40 năm tuổi Đảng và mắc nhiều bệnh; mẹ tên Phạm Thị T1 là người cao tuổi và cũng mắc nhiều bệnh. Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo T xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo, để bị cáo có điều kiện nuôi dạy 02 con còn nhỏ, phụng dưỡng bố mẹ và ông nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Đinh Xuân T làm trong hạn luật định nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo T, nhận thấy:

[2.1] Về tội danh:

Lời khai nhận tội của bị cáo T tại phiên toà phúc thẩm là phù hợp với lời khai của chính bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử ở cấp sơ thẩm; phù hợp với lời khai của các ông Nguyễn L, Lê Cảnh T3, Phạm Hoàng T4, Nguyễn Văn D, Trần Ngọc N, Nguyễn Thanh H, Hứa Thành K2, Đinh Thị Như Q; phù hợp với Kết luận giám định số 3301/KL-KTHS ngày 27/7/2022 của Phòng K3 - Công an Thành phố H; đồng thời phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, đã được tranh tụng công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ căn cứ pháp lý để kết luận:

Đinh Xuân T, nguyên là Trung úy, cán bộ trinh sát thuộc Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế và chức vụ Công an huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh được phân công thụ lý giải quyết hồ sơ vụ vi phạm hành chính “Kinh doanh hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ” phát hiện ngày 27/01/2021 tại nhà không số thuộc tổ B, ấp B, xã V, huyện B do ông Nguyễn L làm chủ. Quá trình giải quyết vụ việc vi phạm hành chính nêu trên, T đã soạn thảo “Lệnh xuất kho vật chứng” rồi cắt, dán chữ ký nháy của ông Lê Cảnh T3, Phó đội trưởng Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế và chức vụ, chữ ký của ông Nguyễn Văn D, Phó Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, tự đóng dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra, tự ghi số, ngày để làm giả 01 “Lệnh xuất kho vật chứng” (kết quả điều tra chỉ thu giữ được 01 “Lệnh xuất kho vật chứng giả”), sau đó đến kho vật chứng Công an huyện B xuất kho 48 bộ máy lạnh hiệu M đã qua sử dụng để trả cho ông L.

Bị cáo T là người có chức vụ, quyền hạn trong việc xử lý vi phạm của ông Nguyễn L, bị cáo có đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được việc làm

giấy tờ giả, giả mạo chữ ký của người có chức vụ, quyền hạn trong quá trình công tác là phạm tội, nhưng vì động cơ cá nhân khác (theo bị cáo khai do cả nể, đáp ứng mong muốn của lãnh đạo), bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo có tính chất nguy hiểm lớn cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của các cơ quan Nhà nước. Với hành vi nêu trên, bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo T về tội “*Giả mạo trong công tác*”, với các tình tiết định khung tăng nặng “*Làm, cấp giấy tờ giả*” và “*Giả mạo chữ ký của người có chức vụ, quyền hạn*” theo quy định tại các điểm b, c khoản 1 Điều 359 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Về hình phạt:

Khi quyết định hình phạt, bản án sơ thẩm đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo T. Cụ thể bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã khắc phục toàn bộ thiệt hại nên đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự và tuyên phạt bị cáo 01 năm 09 tháng tù là có căn cứ, phù hợp với tính chất nguy hiểm của hành vi.

Tuy nhiên nhận thấy, hành vi phạm tội của bị cáo không nhằm mục đích vụ lợi; hoàn cảnh gia đình thật sự khó khăn, bố của bị cáo là ông Đinh Văn K sinh năm 1958 là cán bộ Công an nghỉ hưu, được tặng Danh hiệu 40 năm tuổi Đảng, bị bệnh thoái hoá khớp háng; mẹ là bà Phạm Thị T1 sinh năm 1961 bị ung thư tuyến giáp; bị cáo có 02 con nhỏ sinh năm 2021 và 2024; bị cáo là lao động chính trong gia đình nên mức án mà bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc. Cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[3] Từ những phân tích nêu trên xét thấy kháng cáo của bị cáo T là có căn cứ một phần để chấp nhận. Cần sửa bản án sơ thẩm theo nhận định trên đây.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà là chưa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đinh Xuân T. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 579/2024/HS-ST ngày 12/12/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[1] Tuyên bố: Bị cáo Đinh Xuân T phạm tội “Giả mạo trong công tác”.

Áp dụng các điểm b, c khoản 1 Điều 359, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Đinh Xuân T 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

[2] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Đinh Xuân T không phải nộp.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày thời hạn hết kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Khoa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Công - Đinh Ngọc Thu Hương

Võ Văn Khoa